

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 09-10-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Trần Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Kha L, sinh năm 1986; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A P, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2012, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh L không lo kinh tế gia đình, anh L có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí anh L còn đánh chị nhưng không gây thương tích. Vợ chồng tự sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân anh L nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ với chị nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung:

Cháu Phạm Chí Kh, sinh ngày 02-5-2013 (Đã chết ngày 26/9/2013).

Cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04-11-2014, do chị và anh L không đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của cháu K không có ghi tên anh L là cha. Cháu K hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Nguyễn Kha L thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Nhận thấy anh L thừa nhận thời gian chung sống với chị T, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như chị T trình bày là đúng. Anh có đánh chị T vài lần nhưng nguyên nhân là do chị T thường xuyên đi chơi vào ban đêm, không lo cho con. Nay anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04-11-2014. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Kha L.

Về con chung:

Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04-11-2014. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2012, không đăng ký kết hôn. Anh, chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh L cũng đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị T và anh L không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L.

[3] Về con chung:

Cháu Phạm Chí Kh, sinh ngày 02-5-2013 (Đã chết ngày 26/9/2013).

Chị T đang nuôi dưỡng cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04-11-2014. Chị T và anh L thỏa thuận giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét sự chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 14, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Kha L.

2. Về con chung:

Giao chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04-11-2014. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009710 ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng